TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 9 - 2018
V/v"Lý hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Sơn
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Trần Xuân Văn.

Bà: Nguyễn Thị Vòng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1983.

Nơi ĐKHKTT: Phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình.

Nơi cư trú hiện nay: Số 0x, đường N, phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Buôn bán. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1969.

Nơi ĐKHKTT và cư trú hiện nay: Số y đường L, TDP x, phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Là người khuyết tật nặng. Vắng mặt tại phiên tòa có yêu cầu xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn xin ly hôn đề ngày 02/02/2018, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Xuân B xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, hai bên sống chung với nhau khoảng 6 năm sau đó mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, TP. Đ vào ngày 19/5/2011. Thời gian đầu

vợ chồng sống hạnh phúc và cùng nhau kinh doanh Áo cưới, quay phim tại nhà mẹ anh B, nhưng sau đó từ nhiều năm nay đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thiếu tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm ngày càng căng thẳng, không thể sống chung được nên từ tháng 12/2016 cho đến nay chị N về bên ngoại ở, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể sống chung hạnh phúc, chị N xin được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/10/2006 và Nguyễn Nguyệt Đ, sinh ngày 11/8/2013, hiện tại hai cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, đang ở với chị N. Nguyện vọng của chị N, sau khi ly hôn mỗi người nuôi một cháu, tuy nhiên hiện nay anh B không có điều kiện để nuôi con nên chị xin trực tiếp nuôi cả hai con, bản thân chị có đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu anh B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N khai vợ chồng không có tài sản chung gì nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 07/3/2018 anh Nguyễn Xuân B trình bày vợ chồng anh không có xích mích gì, anh B không nhất trí ly hôn ở thời điểm này vì lý do hiện anh đang điều trị bệnh tật, hai con anh còn nhỏ, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Tòa án đã triệu tập anh B và chị N đến Tòa để hòa giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi nhận thông báo hòa giải bà Trần Thị H (là mẹ đẻ anh B) đến Tòa trình bày: Từ năm 2016 anh B đã bị tai biến xuất huyết não nhưng còn nhẹ, sau khi điều trị tại bệnh viện qua cơn nguy kịch tiếp tục điều trị tại nhà, bệnh tật anh B tiến triển ngày càng nặng, ngày 01/6/2018 anh B bị tai biến lần 2 nặng hơn, từ đó không thể đi lại được, hiện anh B không thể đến Tòa để hòa giải, bà báo cáo để Tòa án biết.

Ngày 08/8/2018, trực tiếp xác minh và lấy lời khai anh Nguyễn Xuân B tại nơi ở, anh B trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Phương N đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ ngày 19/5/2011, vợ chồng kinh doanh và sống chung với mẹ anh B, không có xích mích gì. Năm 2016, anh B bị tai biến, bệnh tật không lao động được nên chị N bỏ chồng con ra ngoài ở riêng, không quan tâm chăm sóc đến anh và hai con, mẹ anh phải chăm sóc cả anh và hai cháu, từ ngày 01/6/2018 anh bị tái phát tai biến lần 2 nặng hơn chị N mới đưa con về nuôi. Hiện nay bệnh tật của anh ngày càng nặng, không thể đi lại được phải có người chăm sóc, chị N xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và anh xin xét xử vắng mặt anh. Hiện nay anh là người bị khuyết tật nặng, không lao động được hưởng trợ cấp xã hội 405.000 đồng/tháng nên không có điều kiện để nuôi con cũng không thể đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý giao cả hai con Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/10/2006 và Nguyễn Nguyệt Đ, sinh ngày 11/8/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc; tài sản chung của vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng cho anh khi ly hôn.

Kết quả xác minh tại nơi anh B cư trú, Tổ trưởng Tổ dân phố x phường Đ xác nhận: Anh Nguyễn Xuân B trước đây khỏe mạnh bình thường làm nghề quay phim chụp ảnh, cho thuê áo cưới; từ 2 năm nay anh B bị bệnh tai biến nặng không lao động được, hiện tại nằm một chỗ không đi lại được và phải có người phục vụ.

*Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vì lý do sức khỏe không đi lại được không có điều kiện đến Tòa để thực hiện hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng đã có ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; xử cho chị Nguyễn Thị Phương N được ly hôn anh Nguyễn Xuân B. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/10/2006 và Nguyễn Nguyệt Đ, sinh ngày 11/8/2013 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B là người bị khuyết tật nặng không lao động được, hưởng trợ cấp xã hội nên chấp nhận để nghị của chị N không buộc anh Bình phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, các đương sự không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương N, đây là vụ án dân sự về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại phường Đ, TP. Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Xuân B là bị đơn đã trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Do hoàn cảnh bệnh tật không thể đi lại để tham gia hòa giải, bị đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Nguyễn Xuân B xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Lẽ ra, anh chị phải biết thương yêu, chung thuỷ, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thiếu tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và ngày càng căng thẳng, anh B bị ốm đau bệnh tật chị N không chăm sóc mà bỏ về bên ngoại ở từ tháng 12/2016 cho đến nay, vợ chồng đã thực sự chấm dứt quan hệ và sống ly thân, không có trách nhiệm gì với nhau. Chị N thấy tình cảm không còn xin ly hôn, anh B lúc đầu có mong muốn Tòa hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bệnh tật tiến triển ngày càng nặng dẫn đến không đi lại được và phải có người chăm sóc nên anh đồng ý ly hôn để giải phóng trách nhiệm nghĩa vụ cho chị N. Điều đó thể hiện rằng tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử thấy cần công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương N và anh Nguyễn Xuân B là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Phương N xin được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh Bình đóng góp cấp dưỡng nuôi con; cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/10/2006 cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét nguyện vọng và điều kiện của chị N thấy rằng chị N có đủ điều kiện để nuôi hai con, anh B là người bị khuyết tật nặng không lao động được, hưởng trợ cấp xã hội không thể trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con được; vì vậy chấp nhận đề nghị của chị N giao hai cháu Nguyễn Tấn P và Nguyễn Nguyệt Đ cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh B không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; khi anh B có điều kiện nuôi con chị N có quyền yêu cầu cấp dưỡng hoặc xin thay đổi người trực tiếp nuôi con bằng vụ kiện khác, là hoàn toàn phù hợp quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình .

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Nguyễn Xuân B mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn, nhưng anh B là người khuyết tật được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và các điều 12, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 12, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương N và anh Nguyễn Xuân B.

2. Về quan hệ con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương N giao 02 cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/10/2006 và Nguyễn Nguyệt Đ, sinh ngày 11/8/2013 cho chị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; anh Nguyễn Xuân B không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Hai bên không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương N phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn, miễn toàn bộ 150.000 đồng án phí ly hôn cho anh Nguyễn Xuân B. Số tiền chị N phải nộp được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/0000303 ngày 27 tháng 02 năm 2018; trả lại cho chị Nguyễn Thị Phương N số tiền 150.000 đồng còn lại sau khi khấu trừ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- UBND phường Đồng Phú, ĐH
- Các đương sự.
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Sơn